

## Quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh mới Cambodia's external economic relations in the new context

Trần Xuân Hiệp<sup>1\*</sup>, Lê Hoàng Kiệt<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Yersin, Đà Lạt, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: txhiiep@ued.udn.vn

### THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.  
soci.vi.20.1.3614.2025

Ngày nhận: 02/08/2024

Ngày nhận lại: 11/11/2024

Duyệt đăng: 22/11/2024

### TÓM TẮT

Bài viết phân tích hiện trạng quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh quốc tế mới. Nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận đa chiều, kết hợp phân tích lý thuyết và thực tiễn để đánh giá toàn diện chính sách và thực trạng kinh tế đối ngoại của Campuchia. Kết quả cho thấy Campuchia đã có những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối ngoại kinh tế, tập trung vào đa dạng hóa quan hệ, tham gia sâu rộng vào các cơ chế hợp tác đa phương và thu hút có chọn lọc FDI. Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ môi trường kinh tế toàn cầu bất ổn, Campuchia vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực, cải thiện cán cân thương mại và đa dạng hóa cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, quốc gia này cũng đang phải đối mặt với những thách thức như sự suy giảm việc làm trong ngành sản xuất và phụ thuộc vào một số đối tác lớn, đặc biệt là Trung Quốc. Trên cơ sở đó, bài viết kết luận rằng Campuchia cần tiếp tục nỗ lực đa dạng hóa nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường tự chủ tài chính để đảm bảo phát triển bền vững trong tương lai.

### ABSTRACT

This article analyzes Cambodia's current foreign economic relations in the new international context. The study applies a multidimensional approach, combining theoretical and practical analysis to assess Cambodia's foreign economic policy and situation comprehensively. The results show Cambodia has significantly adjusted its foreign economic policy, focusing on diversifying relationships, participating extensively in multilateral cooperation mechanisms, and selectively attracting FDI. Despite facing many challenges from the unstable global economic environment, Cambodia has maintained positive growth momentum, improved its trade balance, and diversified its financial structure. However, the country also faces challenges such as declining employment in the manufacturing sector and dependence on a few major partners, especially China. Based on these findings, the article concludes that Cambodia needs to continue efforts to diversify its economy, enhance competitiveness, and strengthen financial autonomy to ensure sustainable development in the future.

#### Từ khóa:

bối cảnh mới; Campuchia; chính sách; kinh tế đối ngoại; thực trạng

#### Keywords:

new context; Cambodia; policy; foreign economics; current situation

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc hiện nay, đặc biệt kể từ khi xung đột Nga - Ukraine diễn ra đã tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị, an ninh và kinh tế của các nước trên toàn cầu (Semenenko & ctg., 2024; Wang & Tao, 2024). Là một quốc gia đang phát triển nằm ở bán đảo Đông Dương; là cầu nối giữa các nước Đông Nam Á lục địa và hải đảo; là điểm trung chuyển thương mại giữa các nước láng giềng, quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia đã trải qua những chuyển biến mạnh mẽ trong những năm gần đây, được định hình bởi bối cảnh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng và phức tạp.

Bài viết này xem xét hiện trạng ngoại giao kinh tế và quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh những thay đổi địa chính trị lớn, những biến động công nghệ và những thách thức xuyên quốc gia mới nổi. Trong đó, phần trọng tâm của bài viết đánh giá quan hệ kinh tế hiện tại của Campuchia trên nhiều khía cạnh, bao gồm luồng thương mại, xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức và các ngành công nghiệp mới nổi. Đặc biệt chú ý đến khả năng phục hồi kinh tế của Campuchia trước những khó khăn toàn cầu, nỗ lực nâng cao chuỗi giá trị và các sáng kiến mở rộng cũng như đa dạng hóa xuất khẩu. Thông qua việc xem xét những khía cạnh có liên quan này, bài viết nhằm cung cấp một phân tích toàn diện về quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh toàn cầu đương đại. Những phát hiện đưa ra cái nhìn sâu sắc về những thách thức và cơ hội mà Campuchia đang phải đối mặt khi nước này tìm cách nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế và đạt được sự phát triển bền vững trong một môi trường quốc tế ngày càng phức tạp.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Quan hệ kinh tế đối ngoại có thể hiểu là các hoạt động trao đổi và hợp tác về kinh tế giữa một quốc gia với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế (Hanson, 1982). Đây là một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại tổng thể của mỗi quốc gia, nhằm thúc đẩy lợi ích kinh tế quốc gia thông qua các hoạt động thương mại, đầu tư, viện trợ và hợp tác quốc tế (Portyakov, 2020). Gilpin (1971) lập luận rằng nội dung của quan hệ kinh tế đối ngoại bao gồm các hoạt động và mối quan hệ kinh tế giữa một quốc gia với các nước khác, cũng như với các tổ chức quốc tế. Các lĩnh vực chính của quan hệ kinh tế đối ngoại thường bao gồm:

a) Tăng trưởng kinh tế và lạm phát: đây là các chỉ số vĩ mô quan trọng phản ánh hiệu quả của chính sách kinh tế đối ngoại của một quốc gia. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ tập trung vào phân tích tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) và tỷ lệ lạm phát của Campuchia qua các năm.

b) Trao đổi thương mại quốc tế: giao dịch hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia, đây là lĩnh vực quan trọng nhất của quan hệ kinh tế đối ngoại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ tập trung vào phân tích kim ngạch xuất nhập khẩu, cán cân thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu của Campuchia và các đối tác thương mại chính trong bối cảnh mới.

c) Đầu tư quốc tế: phân tích về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI), các ngành nghề và quốc gia đầu tư chính. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ phân tích về tình hình FDI của Campuchia thông qua các hoạt động khuyến khích hoặc điều tiết luồng vốn từ nước ngoài dựa trên các cơ chế pháp lý, chính sách ưu đãi, và điều kiện thị trường.

d) Quan hệ hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế: đánh giá về việc tham gia các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, và các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế và tối ưu hóa lợi ích quốc gia từ quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ tập trung phân tích sự tham gia của Campuchia vào các tổ chức kinh tế thế giới như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM) cũng như các cơ chế hợp tác tiểu vùng như Ủy ban sông Mê Kông (MRC), Khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV-DTA), Tổ chức Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyarwady - Chao Phraya - Mê Kông (ACMECS).

e) Chính sách ngoại thương và ngoại giao kinh tế: phân tích các chính sách, chiến lược được thiết kế để thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua quan hệ quốc tế, bao gồm các hiệp định thương mại, các biện pháp bảo hộ, hay hợp tác song phương và đa phương. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ tập trung phân tích các chiến lược và chương trình của Campuchia nhằm đa dạng hóa sản phẩm và thị trường xuất khẩu trong bối cảnh mới.

Bên cạnh những nội dung quan trọng trên, nghiên cứu còn đề cập đến tình hình việc làm trong các ngành kinh tế chủ chốt của Campuchia, đặc biệt là trong các ngành xuất khẩu chính. Mặt khác, nghiên cứu sẽ phân tích sự phát triển của các ngành công nghiệp mới nhằm phân ánh xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Campuchia. Cuối cùng, Campuchia là một quốc gia đang phát triển nên viện trợ phát triển chính thức (ODA) đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế của quốc gia này, do đó nghiên cứu sẽ phân tích tình hình nhận và sử dụng ODA, xu hướng thay đổi theo thời gian.

Tóm lại, quan hệ kinh tế đối ngoại là một lĩnh vực rộng lớn, bao gồm nhiều khía cạnh của hoạt động kinh tế quốc tế (Beeson, 1997). Do đó, việc phân tích toàn diện các nội dung trên giúp đánh giá hiệu quả của chính sách đối ngoại kinh tế của Campuchia và xác định các cơ hội cũng như thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của quốc gia này.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết tiếp cận từ góc độ nghiên cứu định tính thông qua phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp tổng hợp và phương pháp phân tích diễn ngôn nhằm phân tích quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh hiện nay. Trong đó, phương pháp phân tích hệ thống được áp dụng toàn bộ cấu trúc nghiên cứu và bắt đầu bằng việc phân tích nền tảng lý thuyết về khái niệm và nội dung của quan hệ kinh tế đối ngoại. Sau đó, bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp những quan điểm, chính sách, số liệu minh họa và chiến lược của Campuchia trong lĩnh vực kinh tế. Cuối cùng, bài viết sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn thông qua các phát biểu và ý kiến của các nhà lãnh đạo và chuyên gia liên quan đến chủ đề nghiên cứu nhằm nhấn mạnh và củng cố những luận điểm của nghiên cứu cũng như nỗ lực của Campuchia trong việc đa dạng hóa các đối tác kinh tế, tăng cường hội nhập khu vực và thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao.

### **4. Kết quả nghiên cứu**

#### ***4.1. Quan điểm, chủ trương về chính sách kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh mới***

Trong lĩnh vực kinh tế, Campuchia đã có những điều chỉnh quan trọng trong quan điểm, chủ trương về chính sách đối ngoại để thích ứng với bối cảnh mới. Những điều chỉnh này thể hiện qua một số hướng chính sau:

*Thứ nhất*, Campuchia chú trọng đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, tránh phụ thuộc quá mức vào một số ít đối tác, đặc biệt là Trung Quốc. Hiện nay, Campuchia tích cực tìm kiếm và mở rộng quan hệ với nhiều đối tác mới, đặc biệt là các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước EU. Chẳng hạn, Campuchia đã nâng cấp quan hệ với Nhật Bản lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào năm 2023. Với Hàn Quốc, Thủ tướng Hun Manet đang xem xét thành lập đặc khu kinh tế (SEZ) dành riêng cho các doanh nghiệp Hàn Quốc (Khmer Timeskh, 2024). Đồng thời, Campuchia dưới thời Thủ tướng Hun Manet cũng tìm cách cải thiện quan hệ với Mỹ và phương Tây, vốn đã xấu đi trong thời gian qua do những bất đồng về vấn đề dân chủ, nhân quyền và sự phụ thuộc quá mức vào Trung Quốc (Hutt, 2024). Bên cạnh đó, Campuchia chú trọng tham gia sâu rộng vào các cơ chế hợp tác kinh tế đa phương khu vực và quốc tế. Quốc gia này đã tích cực tham gia vào các tổ chức như ASEAN, WTO, APEC, ASEM cũng như các cơ chế hợp tác tiểu vùng như MRC, CLV-DTA, ACMECS. Đặc biệt, Campuchia đã ký kết

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và đang thúc đẩy đàm phán FTA với Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU). Việc tham gia sâu rộng vào các cơ chế hợp tác đa phương không chỉ giúp Campuchia mở rộng cơ hội thương mại, đầu tư mà còn nâng cao vị thế, tiếng nói của nước này trên trường quốc tế.

*Thứ hai*, Campuchia chú trọng thu hút FDI có chọn lọc, hướng tới các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao. Điều này thể hiện qua việc Campuchia ban hành Luật Đầu tư mới năm 2021 với nhiều ưu đãi hơn cho nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời tăng cường các quy định về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Nước này cũng thành lập các khu kinh tế đặc biệt để thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp ưu tiên như điện tử, ô tô, chế biến nông sản. Mục tiêu là đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực quốc gia (Royal Government of Cambodia, 2021). Ngoài ra, nước này đang tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư FDI cơ sở hạ tầng trong nước, việc ban hành “Quy hoạch tổng thể toàn diện về Hệ thống Vận tải và Logistics Campuchia 2023 – 2033 được xem là nỗ lực cam kết cải thiện lĩnh vực này (Open Development Cambodia, 2024a). Bên cạnh đó, Campuchia đẩy mạnh cải cách kinh tế trong nước để tăng sức hấp dẫn với nhà đầu tư nước ngoài (Open Development Mekong, 2022). Chính phủ Campuchia đã triển khai nhiều chiến lược phát triển dài hạn như “Chính sách Phát triển Công nghiệp Campuchia 2015 - 2025 (The Council for the Development of Cambodia, 2022a), “Khung chính sách Kinh tế và Xã hội số Campuchia”. Đặc biệt, “Chiến lược Ngũ giác” của Thủ tướng Hun Manet đặt mục tiêu đưa Campuchia trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2050. Trên cơ sở đó, các cải cách này nhằm thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh quốc gia (The Council for the Development of Cambodia., 2022a).

*Thứ ba*, Campuchia chú trọng phát triển nền kinh tế số và đổi mới sáng tạo. Chính phủ Campuchia đã đưa ra nhiều sáng kiến như “Chiến lược Ngũ giác”, “Chiến lược Kinh tế Ngoại giao giai đoạn 2024 – 2028” (Open Development Cambodia, 2024b), nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Campuchia cũng tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, xây dựng các khu công nghệ cao và trung tâm đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, Campuchia chú trọng tăng cường quản lý nợ công và duy trì ổn định tài chính. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 gây sức ép lên ngân sách, Campuchia đã tích cực tìm kiếm sự hỗ trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế như World Bank, International Monetary Fund (IMF), Asian Development Bank (ADB) (Chan, 2024). Đồng thời, nước này cũng đẩy mạnh cải cách hệ thống thuế, tăng cường quản lý chi tiêu công và đa dạng hóa nguồn thu ngân sách để đảm bảo tính bền vững của tài chính công trong dài hạn.

*Tóm lại*, chính sách kinh tế đối ngoại của Campuchia đã có những điều chỉnh quan trọng để thích ứng với bối cảnh toàn cầu mới. Nước này đã áp dụng cách tiếp cận đa diện để tăng cường khả năng phục hồi và sức cạnh tranh kinh tế. Các chiến lược chính bao gồm đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế để giảm sự phụ thuộc quá mức vào một số ít đối tác, tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác kinh tế đa phương và thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao. Campuchia cũng đã tăng cường cải cách kinh tế trong nước, tập trung vào phát triển nền kinh tế số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Chính phủ đã triển khai nhiều chiến lược và sáng kiến phát triển dài hạn để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng. Ngoài ra, Campuchia đang nỗ lực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và cơ cấu hàng hóa thông qua việc tham gia các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Ổn định tài chính vẫn là ưu tiên hàng đầu, với những nỗ lực tăng cường quản lý nợ công và duy trì tính bền vững về tài khóa. Điều này bao gồm tìm kiếm sự hỗ trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế và thực hiện cải cách hệ thống thuế. Những điều chỉnh toàn diện này trong chính sách đối ngoại kinh tế của Campuchia phản ánh cam kết chuyển đổi kinh tế của nước này, nhằm nâng cao vị thế của đất nước trong nền kinh tế toàn cầu và đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2050.

#### 4.2. Thực trạng quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh mới

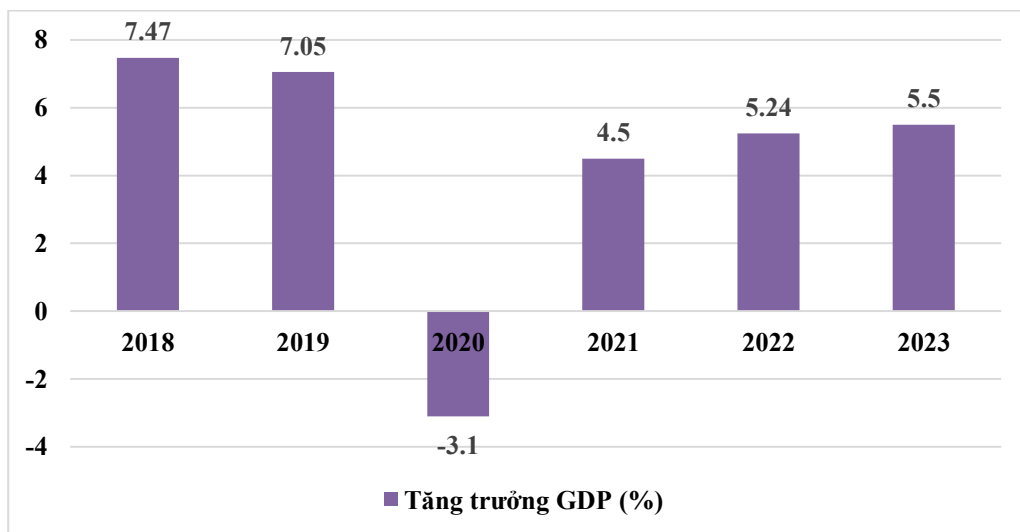
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động do tác động từ bất ổn địa chính trị toàn cầu, nền kinh tế Campuchia đang phải đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội mới. Mặc dù tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại, nhưng quốc gia này vẫn duy trì được đà phát triển tích cực nhờ nỗ lực đa dạng hóa cơ cấu kinh tế và các chính sách cải cách hiệu quả của Chính phủ Campuchia.

##### *Thứ nhất, về tốc độ tăng trưởng GDP.*

Campuchia đã trải qua một giai đoạn phát triển đáng chú ý trong những năm gần đây. Kết quả từ Hình 1 trình bày giai đoạn 2018 - 2023 chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng vào những năm 2018 và 2019, với tỷ lệ tăng trưởng trung bình duy trì ở mức khoảng 5.5% trong những năm gần đây. Tuy nhiên, năm 2020 ghi nhận mức tăng trưởng âm -3.1%, phản ánh tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế. Nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm này bao gồm: i) sự bùng phát của đại dịch Covid-19, gây ra những gián đoạn nghiêm trọng trong hoạt động kinh tế; ii) sự suy giảm nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ và EU; và iii) ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành công nghiệp chủ lực như dệt may, giày dép và du lịch. Mặc dù vậy, nền kinh tế Campuchia đã thể hiện khả năng phục hồi mạnh mẽ. Theo báo cáo của ADB (2023), GDP của Campuchia dự kiến tăng 6.0% vào năm 2024. Sự phục hồi này được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố, đặc biệt từ ngành du lịch: i) sự hồi phục mạnh mẽ của ngành du lịch sau đại dịch Covid-19. Ngành du lịch Campuchia năm 2023 thu hút 5.43 triệu du khách quốc tế, tăng mạnh 139.5% so với mức 2.27 triệu du khách vào năm 2022 và đặt kỳ vọng sẽ đón 16.4 triệu du khách năm 2024 (Ministry of Tourism Cambodia, 2024); ii) sự phát triển của các ngành công nghiệp mới nổi, góp phần đa dạng hóa nền kinh tế; và iii) sự tăng trưởng của các ngành dịch vụ liên quan như ăn uống, lưu trú, thương mại, vận tải và truyền thông.

#### Hình 1

*Tỷ Lệ Tăng Trưởng GDP của Campuchia Giai Đoạn 2018 - 2023*



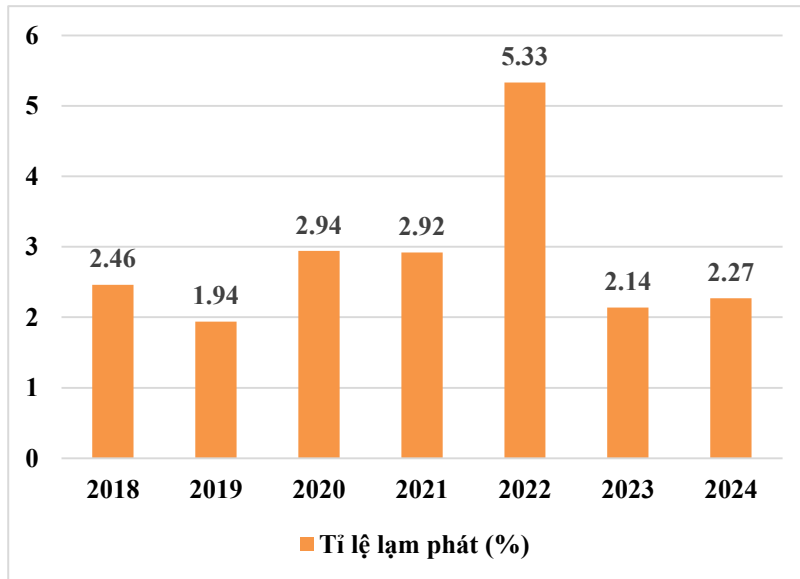
*Nguồn:* Dữ liệu từ “Cambodia’s economy to accelerate on tourism recovery – ADB” bởi Asian Development Bank [ADB], 2023 (<https://www.adb.org/news/cambodia-economy-accelerate-tourism-recovery-ADB>)

Về lạm phát, kết quả từ Hình 2 cho thấy Campuchia đã duy trì được mức lạm phát ở mức vừa phải, đạt 2.14% năm 2023 và dự kiến tăng nhẹ lên 2.27% năm 2024. Mặc dù có xu hướng tăng nhẹ, chủ yếu do giá lương thực tăng cao bởi tác động từ xung đột Nga - Ukraine và biến động chuỗi cung ứng toàn cầu, tỷ lệ lạm phát này vẫn nằm trong tầm kiểm soát của chính phủ Campuchia. Nhìn chung, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ môi trường kinh tế toàn cầu bất ổn, Campuchia vẫn thể hiện khả năng thích ứng và phục hồi mạnh mẽ. Sự đa dạng hóa

nền kinh tế, cùng với các chính sách cải cách hiệu quả, đã giúp quốc gia này duy trì đà tăng trưởng tích cực và kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

## Hình 2

Tỷ Lệ Lạm Phát của Campuchia Giai Đoạn 2018 - 2024



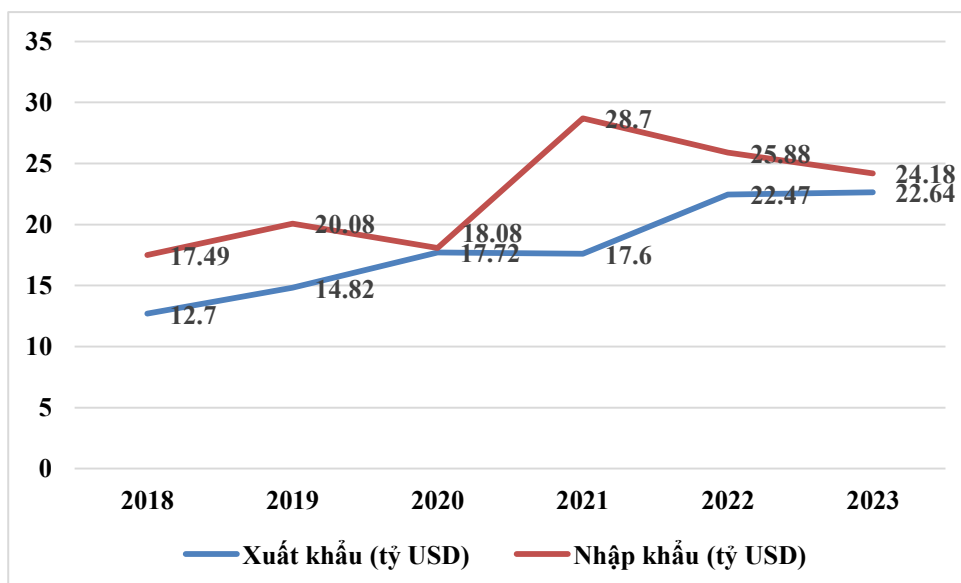
Nguồn: Dữ liệu từ “Cambodia: Inflation rate from 2009 to 2029” bởi Statista, 2024 (<https://www.statista.com/statistics/438719/inflation-rate-in-cambodia/>)

Thứ hai, về trao đổi thương mại.

Campuchia đã chứng kiến sự tăng trưởng thương mại ấn tượng trong giai đoạn 2018 - 2023. Thông qua Hình 3 cho thấy, kim ngạch thương mại của quốc gia này đã tăng mạnh từ 30.2 tỷ USD năm 2018 lên 46.82 tỷ USD năm 2023, phản ánh sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và khả năng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

## Hình 3

Tổng Kim Ngạch Thương Mại Campuchia Giai Đoạn 2018 - 2023



Nguồn: Dữ liệu từ “Cambodia’s economy to accelerate on tourism recovery - ADB” bởi Asian Development Bank [ADB], 2023 (<https://www.adb.org/news/cambodia-economy-accelerate-tourism-recovery-ADB>)

Năm 2023 đánh dấu một bước chuyển biến tích cực trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Campuchia, phần lớn nhờ vào sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu sau đại dịch Covid-19. Đặc biệt, sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi quan hệ thương mại ngày càng sâu sắc với Trung Quốc - đối tác chiến lược quan trọng nhất của Campuchia. Theo số liệu thống kê từ Hình 3, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Campuchia đã tăng từ 22.47 tỷ USD năm 2022 lên 22.64 tỷ USD năm 2023, dù mức tăng không lớn nhưng vẫn là một tín hiệu đáng mừng trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn. Mặt khác, hoạt động nhập khẩu của Campuchia lại cho thấy xu hướng giảm mạnh. Cụ thể, giá trị nhập khẩu đã sụt giảm từ 25.88 tỷ USD năm 2022 xuống còn 24.18 tỷ USD năm 2023. Sự suy giảm này có thể phản ánh nỗ lực của chính phủ Campuchia trong việc thúc đẩy sản xuất trong nước và giảm phụ thuộc vào hàng hóa nhập khẩu, đồng thời là hệ quả của việc giảm nhu cầu tiêu dùng trong nước do tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô. Kết quả của những biến động này là một bức tranh thương mại cân bằng hơn cho Campuchia. Mặc dù vẫn còn thâm hụt, nhưng mức thâm hụt thương mại đã giảm mạnh, chỉ còn 1.53 tỷ USD trong năm 2023. Điều này cho thấy sự cải thiện trong cán cân thương mại của quốc gia, phản ánh nỗ lực của chính phủ trong việc thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu, hướng tới một nền kinh tế bền vững và tự chủ hơn trong tương lai.

Bên cạnh đó, năm 2023 chứng kiến những biến động mạnh mẽ trong cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của Campuchia. Mỹ tiếp tục giữ vững vị trí là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm 39.3% tổng kim ngạch với giá trị 8.89 tỷ USD, mặc dù có sự sụt giảm nhẹ 0.8% so với năm trước (Mathew, 2024). Trong khi đó, Trung Quốc nổi lên như đối tác thương mại quan trọng nhất, với tổng kim ngạch song phương đạt 12.26 tỷ USD (Mathew, 2024). Đặc biệt, xuất khẩu sang Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 19.2%, đạt 1.47 tỷ USD, trong khi nhập khẩu từ nước này tăng 3.3%, đạt 10.78 tỷ USD (Mathew, 2024). Đặc biệt, thương mại với EU cho thấy xu hướng giảm, với xuất khẩu sụt giảm 9.3%, từ 4.04 tỷ USD năm 2022 xuống còn 3.66 tỷ USD năm 2023 (Mathew, 2024). Trong khối EU, Đức vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Campuchia, dù kim ngạch song phương giảm 19.8%, đạt hơn 1.01 tỷ USD (Mathew, 2024). Điều này cho thấy việc EU rút một phần ưu đãi thuế quan dành cho Campuchia theo chương trình EBA đã tác động mạnh mẽ với hoạt động xuất khẩu của nước này.

Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, ngành hàng may mặc, giày dép và hàng du lịch (GFT) - vốn là trụ cột xuất khẩu của Campuchia - ghi nhận sự sụt giảm mạnh. Cụ thể, xuất khẩu hàng dệt kim giảm 14%, từ 6.36 tỷ USD năm 2022 xuống 5.47 tỷ USD năm 2023, trong khi hàng không dệt kim giảm 10.4%, từ 2.66 tỷ USD xuống 2.39 tỷ USD (Mathew, 2024). Tổng kim ngạch xuất khẩu GFT giảm 13.3% so với năm 2022 (Mathew, 2024). Ngược lại, một số ngành hàng khác lại chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng: xuất khẩu máy móc và thiết bị điện tăng 56.6%, cao su và các sản phẩm từ cao su tăng 69.9%, rau củ quả ăn được tăng 52.6%, và ngũ cốc tăng 45.1% (Mathew, 2024). Trong 11 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sang 5 thị trường chính (Mỹ, Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Canada) đạt 13.91 tỷ USD, tăng 4.45% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 67.8% tổng kim ngạch xuất khẩu (Khmer Timeskh, 2023). Đặc biệt, Việt Nam đã vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai sau Mỹ, đạt 2.61 tỷ USD, tăng mạnh 37.8% so với năm 2022 (Khmer Timeskh, 2023). Chuyên gia kinh tế Hong Vanak từ Viện Hàn lâm Hoàng gia Campuchia nhận xét:

*“Tôi tin rằng dòng hàng hóa Campuchia đến các thị trường quốc tế, đặc biệt là năm quốc gia này (Mỹ, Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Canada), sẽ tăng từ năm 2024 trở đi nhờ năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa Campuchia không ngừng được cải thiện”* (Pinsei, 2023).

Nhìn chung, thương mại của Campuchia trong giai đoạn 2018 - 2023 cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, với kim ngạch tăng mạnh và cán cân thương mại được cải thiện. Năm 2023 đánh dấu những chuyển biến quan trọng trong cơ cấu thị trường và mặt hàng xuất khẩu. Mặc dù một số ngành truyền thống như may mặc gặp khó khăn, nhưng sự tăng trưởng ở các lĩnh vực mới hứa hẹn một nền kinh tế đa dạng hơn. Sự nổi lên của Trung Quốc và Việt Nam như những đối tác thương mại chủ chốt phản ánh xu hướng hội nhập khu vực sâu rộng hơn.

#### *Thứ ba, về tình hình việc làm trong ngành sản xuất.*

Năm 2023 chứng kiến sự suy giảm mạnh, phản ánh tác động trực tiếp từ sự suy yếu của hoạt động xuất khẩu do nhu cầu thị trường toàn cầu giảm sút. Cụ thể, số lượng việc làm trong lĩnh vực sản xuất đã giảm 44,000, xuống còn 1 triệu vào tháng 05/2023 - thời điểm mà xuất khẩu hàng hóa chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ sự suy giảm nhu cầu bên ngoài (World Bank, 2023). Tuy nhiên, tín hiệu tích cực là thị trường lao động đã bắt đầu thể hiện dấu hiệu phục hồi kể từ đó. Đến tháng 08/2023, số lượng việc làm trong ngành sản xuất đã tăng lên 1,022 triệu, cho thấy xu hướng cải thiện tích cực (World Bank, 2023).

Sự suy giảm việc làm chủ yếu phản ánh tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu đối với các ngành sản xuất chủ lực của Campuchia, bao gồm may mặc, hàng du lịch, giày dép và dệt may. Các ngành này đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu việc làm của quốc gia, chiếm tới 83% tổng số việc làm trong lĩnh vực sản xuất (World Bank, 2023). Trong 10 tháng từ tháng 07/2022 đến tháng 05/2023, việc làm trong các ngành này đã giảm 5%, tương đương 40,000 việc làm, từ 0.88 triệu xuống còn 0.84 triệu (World Bank, 2023). Đáng chú ý, mức giảm này chiếm tới 90% tổng số việc làm bị mất trong toàn bộ ngành sản xuất trong cùng giai đoạn. Tác động kinh tế của việc mất 40,000 việc làm là không nhỏ. Với mức lương tối thiểu khoảng 200 USD/tháng trong các ngành công nghiệp chính thức này, ước tính thiệt hại về thu nhập có thể lên đến ít nhất 100 triệu USD, chỉ tính riêng tiền lương và phụ cấp (World Bank, 2023). Hệ quả của tình trạng này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động mà còn tác động gián tiếp đến sức mua, tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế nói chung của Campuchia.

Nhìn chung, tình hình này đặt ra thách thức lớn cho chính phủ Campuchia trong việc đa dạng hóa nền kinh tế, tăng cường khả năng chống chịu trước các “cú sốc” bên ngoài, và phát triển các ngành công nghiệp mới để tạo việc làm bền vững. Đồng thời, nó cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao kỹ năng cho người lao động, giúp họ có thể thích ứng nhanh chóng với những thay đổi trong thị trường lao động toàn cầu và khu vực.

#### *Thứ tư, về sự phát triển của các ngành công nghiệp mới ở Campuchia.*

Lĩnh vực này thể hiện một xu hướng biến đổi mạnh mẽ trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Campuchia. Mặc dù việc làm trong lĩnh vực sản xuất có sự suy giảm, nhưng số lượng nhà máy vẫn tiếp tục tăng, phản ánh những nỗ lực mạnh mẽ trong việc đa dạng hóa công nghiệp của nước này. Cụ thể, thống kê của World Bank cho thấy có sự gia tăng rầm rộ với 200 nhà máy mới trong giai đoạn 2020 - 2023, nâng tổng số nhà máy lên 2,026 tính đến tháng 08/2023 (Ly & ctg., 2023). Điều đáng chú ý là trong số các nhà máy tăng thêm, các ngành công nghiệp mới như kim loại, giấy, đồ gỗ, nhựa và hóa chất chiếm tới khoảng hai phần ba. Sự phát triển này cho thấy xu hướng chuyển dịch sang các ngành công nghiệp có thể ít thâm dụng lao động hơn nhưng có giá trị gia tăng cao hơn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng mặc dù đang phát triển nhanh chóng, các ngành công nghiệp mới này hiện chỉ chiếm khoảng 10% tổng số việc làm trong lĩnh vực sản xuất (Ly & ctg., 2023). Điều này cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Campuchia đang diễn ra, nhưng vẫn cần thời gian để các ngành mới này có thể đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Sự phát triển của các ngành công nghiệp mới đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của Campuchia. Nó thể hiện nỗ lực của quốc gia này trong việc hướng tới các ngành có giá trị gia tăng cao hơn, giảm phụ thuộc vào lao động giá rẻ và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch này cũng đặt ra nhiều thách thức. Đặc biệt, vấn đề đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Các ngành công nghiệp mới thường đòi hỏi trình độ kỹ thuật và công nghệ cao hơn, do đó cần có chiến lược đào tạo phù hợp để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu.

Nhìn chung, sự phát triển của các ngành công nghiệp mới ở Campuchia là một dấu hiệu tích cực, thể hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa và nâng cao giá trị gia tăng. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững và toàn diện, Campuchia cần có chiến lược đồng bộ trong việc phát triển nguồn nhân lực, cải thiện cơ sở hạ tầng và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các ngành công nghiệp mới này.

#### *Thứ năm, về tình hình đầu tư FDI.*

Campuchia đã chứng kiến một số biến động mạnh mẽ trong giai đoạn 2018 - 2023. Giá trị các dự án FDI được phê duyệt, được phân loại là dự án đầu tư đủ điều kiện (QIP) để nhận ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư 2021, đạt 908 triệu USD trong 08 tháng đầu năm 2023, giảm 7.3% so với cùng kỳ năm trước (Ly & ctg., 2023). Con số này thấp hơn nhiều so với giá trị 1.5 tỷ USD được ghi nhận trong cùng kỳ năm 2019, phản ánh tác động kéo dài của đại dịch Covid-19 và bất ổn kinh tế toàn cầu (Ly & ctg., 2023). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự suy giảm này diễn ra sau khi có sự tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2022, khi tổng đầu tư đạt 1.15 tỷ USD, tăng 75.4% so với năm trước (Ly & ctg., 2023). Năm 2022 cũng chứng kiến sự đa dạng hóa mạnh mẽ trong các dự án FDI, vượt ra ngoài ngành may mặc truyền thống, với các lĩnh vực như logistics, năng lượng và khách sạn lần lượt thu hút 1.3 tỷ USD, 389 triệu USD và 129 triệu USD (Ly & ctg., 2023). Trong 08 tháng đầu năm 2023, ngành công nghiệp phi may mặc chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng FDI được phê duyệt, đạt 471 triệu USD (52% tổng số) (Ly & ctg., 2023). Các lĩnh vực nổi bật bao gồm chế biến xi măng (141.8 triệu USD), giày dép (80 triệu USD) và hàng du lịch (60 triệu USD) (Ly & ctg., 2023). Mặc dù xuất khẩu hàng may mặc suy giảm, ngành này vẫn thu hút được 274.9 triệu USD FDI, chiếm 30% tổng số (Ly & ctg., 2023). Đặc biệt, FDI vào nông nghiệp và chế biến nông sản đã tăng lên, chiếm 16% tổng FDI (147 triệu USD) (Ly & ctg., 2023), phản ánh sự quan tâm mới đối với lĩnh vực này và nỗ lực của Chính phủ Campuchia trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Về nguồn gốc FDI, Trung Quốc tiếp tục là nhà đầu tư lớn nhất của Campuchia hiện nay, nước này đã đầu tư hơn 03 tỷ USD trong năm 2023 (Jie, 2023). Sự phụ thuộc ngày càng tăng vào vốn Trung Quốc có thể đặt ra những thách thức về đa dạng hóa nguồn vốn và rủi ro địa chính trị trong tương lai. So với giai đoạn trước Covid-19, cơ cấu FDI đã có những thay đổi mạnh mẽ. Trước đây, phần lớn giá trị dự án QIP tập trung vào lĩnh vực xây dựng và bất động sản, chiếm tới 90% tổng đầu tư QIP vào năm 2019. Tuy nhiên, khi đại dịch Covid-19 tác động đến nền kinh tế vào năm 2020, tỷ trọng này đã giảm mạnh, xuống còn 14.9% vào năm 2022 (Ly & ctg., 2023). Ngược lại, đầu tư vào lĩnh vực phi may mặc đã mở rộng, tăng từ 6.7% tổng giá trị QIP được phê duyệt vào năm 2019 lên 70.7% vào năm 2022 (Ly & ctg., 2023). Nhìn chung, FDI vào Campuchia giai đoạn 2018 - 2023 có nhiều biến động. Giá trị dự án FDI giảm trong 08 tháng đầu 2023 so với cùng kỳ các năm trước, phản ánh tác động của Covid-19 và bất ổn kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, cơ cấu FDI đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ, với sự đa dạng hóa sang các ngành phi may mặc và nông nghiệp. Xu hướng này phản ánh nỗ lực của Campuchia trong việc đa dạng hóa

nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào các ngành truyền thống như may mặc<sup>1</sup> và bất động sản, đồng thời đối mặt với thách thức về đa dạng hóa nguồn vốn.

*Thứ sáu, Campuchia đa dạng hóa đối tác và mở rộng hoạt động xuất khẩu, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ngày càng hội nhập và cạnh tranh.*

Campuchia đã triển khai một chiến lược toàn diện nhằm đa dạng hóa và mở rộng hoạt động xuất khẩu của mình. Chiến lược này bao gồm hai trụ cột chính: Chương trình Đa dạng hóa và Mở rộng Xuất khẩu Campuchia (CEDEP) và việc tích cực tham gia vào FTA. Trong đó CEDEP được thiết kế như một công cụ chính sách quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp then chốt trong nền kinh tế Campuchia. Chương trình này tập trung vào năm lĩnh vực chiến lược: gạo, lụa, sắn, thủy sản và ẩm thực. Việc lựa chọn các ngành này không chỉ dựa trên lợi thế so sánh hiện tại của Campuchia mà còn xem xét đến tiềm năng tăng trưởng và khả năng tạo ra giá trị gia tăng trong tương lai. Thông qua CEDEP, chính phủ Campuchia mong muốn nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp mới có tiềm năng xuất khẩu cao (Nimul & Adhikari, 2024).

Song song với việc tăng cường năng lực sản xuất nội địa, Campuchia cũng đã chủ động tham gia vào mạng lưới các FTA nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút FDI. Trong giai đoạn 2020 - 2023, quốc gia này đã ký kết ba FTA song phương quan trọng với Trung Quốc, Hàn Quốc và UAE. Những hiệp định này không chỉ tạo ra cơ hội tiếp cận thị trường mới cho hàng hóa Campuchia mà còn hứa hẹn thu hút dòng vốn đầu tư FDI từ các đối tác kinh tế lớn. Bên cạnh các FTA song phương, Campuchia cũng đã phê chuẩn RCEP - được coi là hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới. Việc tham gia RCEP mở ra cơ hội tiếp cận thị trường rộng lớn cho các doanh nghiệp Campuchia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quốc gia này hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Không chỉ hướng ra bên ngoài, Campuchia cũng tiếp tục thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với AFTA. Mục tiêu của AFTA là xóa bỏ thuế quan đối với hầu hết hàng hóa và dịch vụ giữa 10 quốc gia thành viên ASEAN. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu của Campuchia sang các nước trong khu vực mà còn giúp nâng cao vị thế của quốc gia trong chuỗi giá trị khu vực. Nhìn chung, chiến lược đa dạng hóa và mở rộng xuất khẩu của Campuchia thể hiện một cách tiếp cận tổng thể, kết hợp giữa việc tăng cường năng lực sản xuất nội địa và mở rộng cơ hội thị trường quốc tế. Thông qua CEDEP, Campuchia đang nỗ lực nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm xuất khẩu, trong khi việc tham gia vào các FTA giúp đảm bảo rằng những sản phẩm này có thể tiếp cận được với thị trường rộng lớn hơn với điều kiện thuận lợi hơn.

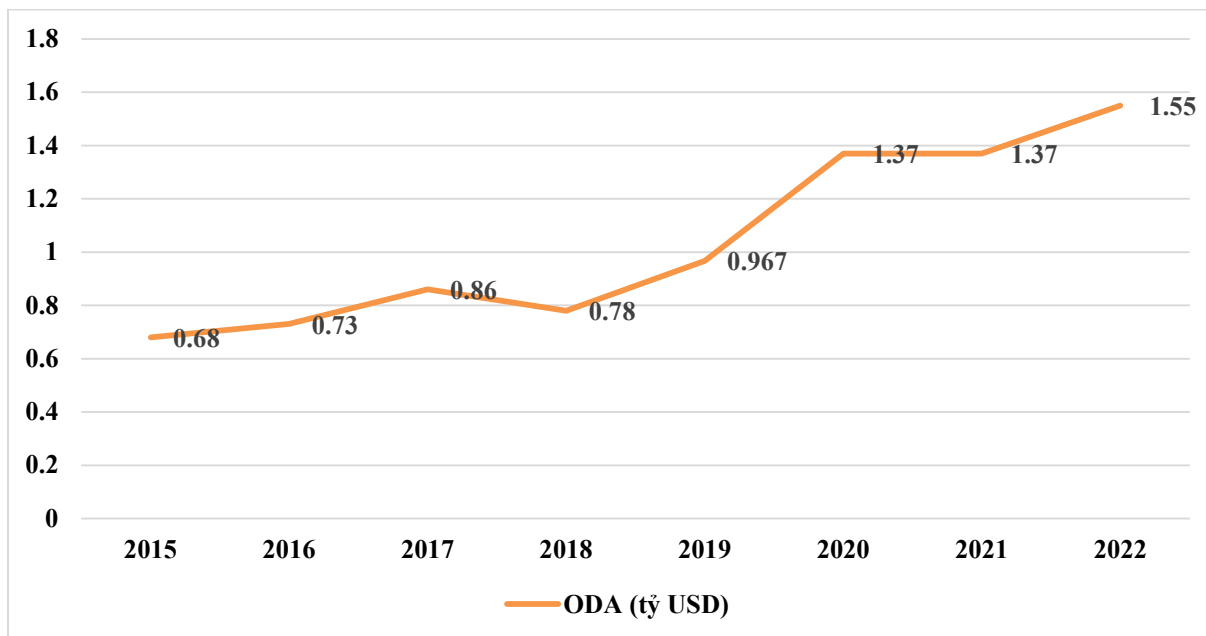
*Thứ bảy, tình hình viện trợ vốn ODA của Campuchia.*

Kể từ sau Hiệp định Hòa bình Paris 1991, Campuchia đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế. Viện trợ ODA đóng vai trò quan trọng trong quá trình phục hồi và phát triển đất nước này sau xung đột (United States Institute of Peace, 1991). Kết quả từ Hình 4 cho thấy, năm 2016, Campuchia nhận được 729 triệu USD viện trợ ODA, chiếm 28% tổng chi tiêu chính phủ. Con số này đã giảm nhiều so với mức đỉnh 61% ngân sách chính phủ vào năm 2010. Năm 2019, Campuchia nhận được 967 triệu USD, tuy nhiên, tỷ lệ viện trợ/GDP giảm xuống còn khoảng 7%. Năm 2022, Campuchia nhận được 1.55 tỷ USD, các nguồn vốn ODA chủ yếu tập trung đầu tư vào lĩnh vực ưu tiên như cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, y tế, giáo dục, quản trị và phát triển nông thôn. Xu hướng này phản ánh cam kết của chính phủ Campuchia trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và tăng cường khả năng tự chủ tài chính.

<sup>1</sup>90% công ty may mặc ở Campuchia đều là doanh nghiệp Trung Quốc bởi Ly và cộng sự (2023).

## Hình 4

Tổng Vốn Viện Trợ ODA của Campuchia Giai Đoạn 2015 - 2022



Nguồn: Dữ liệu từ “Cambodia economic update - Post-Covid-19 economic recovery: Special focus - from spending more to spending better: Toward improved human development outcomes (English)” bởi World Bank, 2023 (<http://documents.worldbank.org/curated/en/099051523221517821/P17734003f2bcf02b0a89500f61b1f3ff7b>)

Các nhà tài trợ chính cho Campuchia bao gồm Nhật Bản, ADB, Mỹ và Trung Quốc. Về khung chính sách và quản lý viện trợ, Campuchia đã ban hành hai văn kiện chiến lược quan trọng: Kế hoạch Phát triển Chiến lược Quốc gia 2014 - 2018 (NSDP) (Royal Government of Cambodia, 2014) và Chiến lược Hợp tác và Đối tác Phát triển (DCPS). Ủy ban Phục hồi và Phát triển Campuchia (CRDB) thuộc Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC) là cơ quan đầu mối quản lý viện trợ. CRDB/CDC điều phối chính sách thông qua các nhóm công tác kỹ thuật với sự tham gia của các bộ ngành, nhà tài trợ và xã hội dân sự. Nhìn chung, viện trợ ODA đã đóng góp quan trọng vào quá trình phục hồi và phát triển của Campuchia trong ba thập kỷ qua. Tuy nhiên, với sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, Campuchia đang dần chuyển dịch từ phụ thuộc viện trợ sang tự chủ tài chính nhiều hơn. Trong giai đoạn tới, việc quản lý hiệu quả nguồn viện trợ ODA và tăng cường huy động các nguồn lực trong nước sẽ là chìa khóa để Campuchia duy trì tăng trưởng bền vững và tiến tới tự chủ về tài chính phát triển.

## 5. Kết luận

Qua việc phân tích hiện trạng quan hệ kinh tế đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh mới, có thể rút ra một số kết luận quan trọng: *Thứ nhất*, Campuchia đã thể hiện khả năng thích ứng mạnh mẽ trước những thách thức của môi trường kinh tế toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng. Chính phủ Campuchia đã có những điều chỉnh chiến lược trong chính sách đối ngoại kinh tế, tập trung vào đa dạng hóa quan hệ, tham gia sâu rộng vào các cơ chế hợp tác đa phương và thu hút có chọn lọc FDI. Những nỗ lực này đã giúp đất nước duy trì được đà tăng trưởng tích cực và cải thiện vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. *Thứ hai*, mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ, Campuchia vẫn đối mặt với một số thách thức. Sự suy giảm việc làm trong ngành sản xuất, đặc biệt là trong lĩnh vực may mặc, cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc đa dạng hóa nền kinh tế và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động. Đồng thời, sự phụ thuộc vào một số đối tác lớn, đặc biệt là Trung Quốc, có thể tạo ra rủi ro về mặt địa chính trị và kinh tế trong tương lai. *Thứ ba*, sự

phát triển của các ngành công nghiệp mới và nỗ lực đa dạng hóa xuất khẩu là những dấu hiệu tích cực cho thấy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Campuchia. Tuy nhiên, quá trình này cần được đẩy mạnh hơn nữa để đảm bảo tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Nhìn chung, để duy trì đà phát triển và nâng cao vị thế trong nền kinh tế toàn cầu, Campuchia cần tiếp tục thực hiện một số chiến lược quan trọng: 1) Đẩy mạnh đa dạng hóa đối tác kinh tế để giảm phụ thuộc vào một số thị trường chính; 2) Tăng cường đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và kỹ năng số; 3) Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh và pháp lý để thu hút FDI chất lượng cao; 4) Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để thúc đẩy đổi mới và nâng cao năng suất; và 5) Tăng cường hợp tác khu vực, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN, để tận dụng tối đa lợi thế của hội nhập kinh tế. Bằng cách theo đuổi những chiến lược này, Campuchia có thể củng cố vị thế của mình như một nền kinh tế năng động và có khả năng phục hồi trong khu vực, đồng thời đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2050.

## LỜI CẢM ƠN

Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2024 - 2025 “Quan hệ đối ngoại của Lào và Campuchia trong bối cảnh mới” do TS. Nguyễn Văn Tuấn làm chủ nhiệm.

## Tài liệu tham khảo

- Asian Development Bank [ADB]. (2023). *Cambodia's economy to accelerate on tourism recovery - ADB*. <https://www.adb.org/news/cambodia-economy-accelerate-tourism-recovery-ADB>
- Beeson, M. (1997). Bilateral economic relations in a global political economy: Australia and Japan. *Competition & Change*, 2(2), 137-173. <https://doi.org/10.1177/102452949700200201>
- Chan, P. (2024) Cambodian green economy transition: Background, progress, and SWOT analysis. *World*, 5(2), 413-452. <https://doi.org/10.3390/world5020022>
- Gilpin, R. (1971). The politics of transnational economic relations. *International Organization*, 25(3), 398-419. doi:10.1017/S0020818300026229
- Hanson, P. (1982). Foreign economic relations. In A. Brown & M. Kaser (Eds.), *Soviet policy for the 1980s. St Antony's series*. Palgrave Macmillan. [https://doi.org/10.1007/978-1-349-16948-1\\_3](https://doi.org/10.1007/978-1-349-16948-1_3)
- Hutt, D. (2024). *Cambodia's autocratic regime really doesn't want you criticizing it overseas*. <https://thediplomat.com/2024/09/cambodias-autocratic-regime-really-doesnt-want-you-criticizing-it-overseas/>
- Jie, Z. (2023). *Cambodia-China economic and trade cooperation yields fruitful results in 2023*. <https://www.phnompenhpost.com/opinion/cambodia-china-economic-and-trade-cooperation-yields-fruitful-results-in2023#:~:text=Chinese%20enterprises%20have%20invested%20in,than%20%243%20billion%20in%20Cambodia>
- Khmer Timeskh. (2023). *Cambodia's export turnover slightly rises in 11 months*. <https://www.khmertimeskh.com/501407510/cambodias-export-turnover-slightly-rises-in-11-months/#:~:text=Cambodia%20exported%20nearly%20%2420.5%20billion,Department%20of%20Customs%20and%20Excise>
- Khmer Timeskh. (2024). *Cambodia proposes exclusive special economic zone for Korean firms to boost investment*. <https://www.khmertimeskh.com/501490362/cambodia-proposes-exclusive-special-economic-zone-for-korean-firms-to-boost-investment/>

- Ly, S., Hayati, F., De Vaan, T. L., Muco, S., Edwards, K. A., Hill, S. M., & Tong, K. (2023). *Cambodia economic update - From recovery to reform: Special focus - Accelerating structural reforms to boost productivity and competitiveness (English)*. <http://documents.worldbank.org/curated/en/099112023082512660/P1773400acb58a0260905e06ed54ad7edf5>
- Mathew, M. (2024). *Cambodia's trade declines 1.9% to \$46.82 billion in 2023*. <https://www.khmertimeskh.com/501421111/cambodias-trade-declines-1-9-to-46-82-billion-in-2023/>
- Ministry of Tourism Cambodia. (2024). *Foreign tourist arrivals increase 140 percent in 2023*. <https://tourismcambodia.org/official-activities/foreign-tourist-arrivals-increase-140-percent-in-2023>
- Nimul, C., & Adhikari, R. (2024). *Lessons from Cambodia: How it is outgrowing its least developed status through openness*. <https://trade4devnews.enhancedif.org/en/open/lessons-cambodia-how-it-outgrowing-its-least-developed-status-through-openness>
- Open Development Cambodia. (2024a). *Comprehensive master plan on the Cambodian inter-modal transportation system and logistics 2023-2033*. [https://data.opendevdevelopmentcambodia.net/library\\_record/comprehensive-master-plan-on-the-cambodian-inter-transportation-method-and-logistics-system-2023-20](https://data.opendevdevelopmentcambodia.net/library_record/comprehensive-master-plan-on-the-cambodian-inter-transportation-method-and-logistics-system-2023-20)
- Open Development Cambodia. (2024b). *Development cooperation and partnerships strategy (2024 - 2028)*. [https://data.opendevdevelopmentcambodia.net/laws\\_record/development-cooperation-and-partnerships-strategy-2024-2028](https://data.opendevdevelopmentcambodia.net/laws_record/development-cooperation-and-partnerships-strategy-2024-2028)
- Open Development Mekong. (2022). *Drivers of foreign investment in Cambodia*. <https://opendevdevelopmentmekong.net/stories/drivers-of-foreign-investment-in-cambodia/>
- Pinsei, H. (2023). *Exports to Vietnam grow to \$1.6B in first 7 months*. <https://www.phnompenhpost.com/business/exports-vietnam-grow-16b-first-7-months>
- Portyakov, V. Y. (2020). Foreign economic relations of the people's republic of China. *Journal Herald of the Russian Academy of Sciences on International Relations*, 90(Special Issue), 670-679. <https://doi.org/10.1134/S1019331620060076>
- Royal Government of Cambodia. (2014). *National strategic development plan 2014 - 2018*. <https://www.rcrc-resilience-southeastasia.org/wp-content/uploads/2018/01/2014-National-Strategic-Development-Plan-2014-2018.pdf>
- Royal Government of Cambodia. (2021). *Cambodia digital economy and society policy framework 2021 - 2035*. <https://asset.cambodia.gov.kh/mptc/media/EN-Policy-Framework-of-Digital-Economy-and-Society.pdf>
- Royal Government of Cambodia. (2023). *Pentagonal strategy - Phase*. <https://mfaic.gov.kh/files/uploads/1XK1LW4MCTK9/EN%20PENTAGONAL%20STRATEGY%20-%20PHASE%20I.pdf>
- Semenenko, O., Sliusarenko, M., Onofriichuk, A., Onofriichuk, V., & Remez, A. (2024). Impact of the Russian-Ukrainian war on the national economy of Russia. *Journal of Interdisciplinary Economics*, 36(1), 41-57. <https://doi.org/10.1177/02601079231207489>
- Statista. (2024). *Cambodia: Inflation rate from 2009 to 2029*. <https://www.statista.com/statistics/438719/inflation-rate-in-cambodia/>

- The Council for the Development of Cambodia. (2022a). *Cambodia industrial development policy 2015 - 2025*. <https://cdc.gov.kh/wp-content/uploads/2022/04/IDP-English.pdf>
- The Council for the Development of Cambodia. (2022b). *Law on investment*. <https://cdc.gov.kh/wp-content/uploads/2022/04/20220114-Law-on-Investment-English-Version-443pm.pdf>
- United States Institute of Peace. (1991). *Cambodia peace agreement*. [https://www.usip.org/sites/default/files/file/resources/collections/peace\\_agreements/agree\\_comppol\\_10231991.pdf](https://www.usip.org/sites/default/files/file/resources/collections/peace_agreements/agree_comppol_10231991.pdf)
- Wang, Y., & Tao, Y. (2024). The effect of fluctuations in bilateral relations on trade: Evidence from China and ASEAN countries. *Humanities and Social Sciences Communications*, 11(32), 1-13. <https://doi.org/10.1057/s41599-023-02525-w>
- WFP Executive Board. (2024). *Draft Cambodia country strategic plan (2024 - 2028)*. [https://executiveboard.wfp.org/document\\_download/WFP-0000150936](https://executiveboard.wfp.org/document_download/WFP-0000150936)
- World Bank. (2023). *Cambodia economic update - Post-Covid-19 economic recovery : Special focus - from spending more to spending better: Toward improved human development outcomes (English)*. <http://documents.worldbank.org/curated/en/099051523221517821/P17734003f2bcf02b0a89500f61b1f3ff7b>

